**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

**KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO**

**NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**---o0o---**



**BÁO CÁO ĐỒ ÁN 1**

**QUẢN LÍ CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC**

**SVTH: DIỆP GIA HỮU 17110158**

**SVTH: TRƯƠNG MINH KHOA 17110163**

**SVTH: HỒ SĨ TUẤN 17119111**

**GVPT: TỪ TUYẾT HỒNG**

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2019**

**NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN**

Giáo viên hướng dẫn

(ký và ghi họ tên)

…………………….....

MỤC LỤC

[DANH MỤC CÁC HÌNH 3](#_Toc532171219)

[DANH MỤC CÁC BẢNG 3](#_Toc532171220)

[LỜI CẢM ƠN 4](#_Toc532171221)

[I. MÔ TẢ PROJECT: 5](#_Toc532171222)

[1. Lý do xây dựng phần mềm: 5](#_Toc532171223)

[2. Mục tiêu của phần mềm: 6](#_Toc532171224)

[3. Phương pháp và ngôn ngữ: 6](#_Toc532171225)

[II. NỘI DUNG: 7](#_Toc532171226)

[1. Sơ lược về danh sách liên kết: 7](#_Toc532171227)

[2. Thiết kế giao diện: 7](#_Toc532171228)

[3. Thiết kế lớp: 9](#_Toc532171229)

[4. Ý nghĩa của từng phương thức: 10](#_Toc532171230)

[5. Mô tả phân công công việc: 21](#_Toc532171231)

[III.​ KẾT LUẬN: 22](#_Toc532171232)

[1. Đánh giá chung: 22](#_Toc532171233)

[2. Ưu điểm: 22](#_Toc532171234)

[3. Nhược điểm: 22](#_Toc532171235)

[4. Hướng phát triển: 22](#_Toc532171236)

[III. TÀI LIỆU KHAM KHẢO: 23](#_Toc532171237)

# DANH MỤC CÁC HÌNH

* Hình 1: Giao diện chính dự kiến
* Hình 2: Giao diện đăng nhập dự kiến
* Hình 3: Giao diện đổi mật khẩu dự kiến
* Hình 4: Giao diện quản lí bài báo dự kiến
* Hình 5: Giao diện quản lí tác giả dự kiến
* Hình 6: Giao diện quản NXB dự kiến
* Hình 7: Giao diện tài khoản truy cập dự kiến
* Hình 8: Sơ đồ ERD
* Hình 9: Giao diện chính
* Hình 10: Giao diện đăng nhập
* Hình 11: Giao diện đổi mật khẩu
* Hình 12: Giao diện quản lí các bài báo
* Hình 13: Giao diện quản lí các tác giả
* Hình 14: Giao diện quản lí nhà xuất bản
* Hình 15: Giao diện quản lí nhà xuất bản

# DANH MỤC CÁC BẢNG

* Bảng 1: Phân công công việc
* Bảng 2: Thiết kế các lớp
* Bảng 3: Ý nghĩa của từng phương thức
* Bảng 4: Mục đích từng table
* Bảng 5: Ý nghĩa từng cột trong table BaiBao\_KD
* Bảng 5: Ý nghĩa từng cột trong table Tac\_Gia
* Bảng 6: Ý nghĩa từng cột trong table Nha\_Xuat\_Ban
* Bảng 7: Ý nghĩa từng cột trong table User1
* Bảng 8: Thiết kế giao diện

# LỜI CẢM ƠN

Trên thực tế không có sự thành công nào mà không gắn liền với những sự hỗ trợ, giúp đỡ dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp của người khác. Nay em xin được phép gửi lời cảm ơn chân thành này đến cô Từ Tuyết Hồng, người đã trực tiếp hỗ trợ nhóm em trong suốt quá trình định hướng chọn đề tài, hướng dẫn, nhận xét và góp ý cũng như cung cấp tài liệu tham khảo. Nếu không có những lời hướng dẫn, những kinh nghiệm thực tiễn của cô thì em nghĩ rằng bài thu hoạch này sẽ khó có thể hoàn thiện và hoàn thành đúng thời hạn được. Một lần nữa, em xin cảm ơn cô.

Em cũng xin chân thành cảm ơn các quý thầy cô trong khoa Công Nghệ Thông Tin đã giúp đỡ hỗ trợ kiến thức cũng như giải đáp thắc mắc của em. Cùng với đó, em xin được gửi cảm ơn đến các bạn cùng khóa đã cung cấp nhiều thông tin và kiến thức hữu ích giúp cho em hoàn thiện đề tài hơn.

Bài thu hoạch được thực hiện trong khoảng thời gian gần 8 tuần. Khoãng thời gian có hạn, cùng với kiến thức còn hạn chế và còn nhiều bỡ ngỡ khác do đó thiếu sót là điều không thể tránh khỏi nên em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báo của các quý Thầy Cô để kiến thức của em được hoàn thiện hơn sau này. Em xin chân thành cảm ơn.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

# ĐẶC TẢ:

## *Lý do xây dựng phần mềm:*

Đọc báo – một nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hằng ngày. Trong thời đại hiện tại, loại báo phổ biến sẽ là báo điện tử, một chủ đề hết sức nổi bật trong giới báo chí là Khoa học. Cùng với sự phát triển của báo điện tử, không thể thiếu việc kiểm soát, quản lí các bài báo. Để tạo sự thuận tiện cho việc đó, sự cần thiết của phần mềm quản lí các bài báo nói chung và các bài báo khoa học nói riêng là không thế phủ nhận. Do đó nhóm chúng em quyết định chọn đề tài này.

**Ưu điểm của phần mềm quản lý các bài báo Khoa học:**

* Giúp ban quản lý kiểm soát toàn bộ các thông tin về các bài báo, tác giả, nhà xuất bản… một cách dễ dàng hơn.
* Giúp ban quản lí báo tiết kiệm được nhiều thời gian.
* Dễ dàng thêm, xóa, chỉnh sửa,...
* Quản lí một cách hiệu quả hơn các bài báo.

Ngoài những ưu điểm thiết thực trên, thì Quản lí các bài báo khoa học là một trong những đề tài có thể áp dụng lại những nội dung đã học ở những kì trước.

## *Mục tiêu của phần mềm:*

Tạo ra được một phần mềm Quản lí các bài báo Khoa học gần gũi, đơn giản giúp thực hiện các công việc quản lí như xuất ra danh sách dạng Excel, tìm kiếm, thêm, xóa, sửa các đối tượng bài báo, tác giả, nhà xuất bảng, phân quyền riêng biệt cho từng tài khoản của quản trị viên,…

## *Dữ liệu, thông tin đầu vào:*

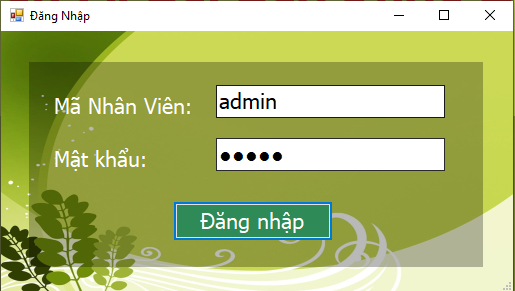
* Danh sách bài báo Khoa học với trên 400 bài.
* Dang sách Tác giả.
* Danh sách Nhà xuất bản.
* Dang sách người dùng.

## *Giao diện dự kiến:*

Giao diện chính:

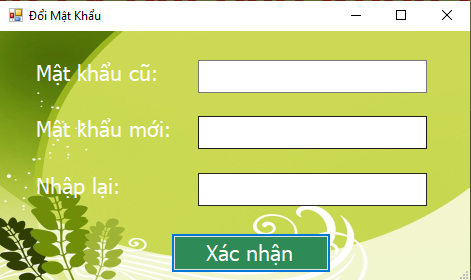
*Hình 1: Giao diện chính dự kiến*

Giao diện đăng nhập:

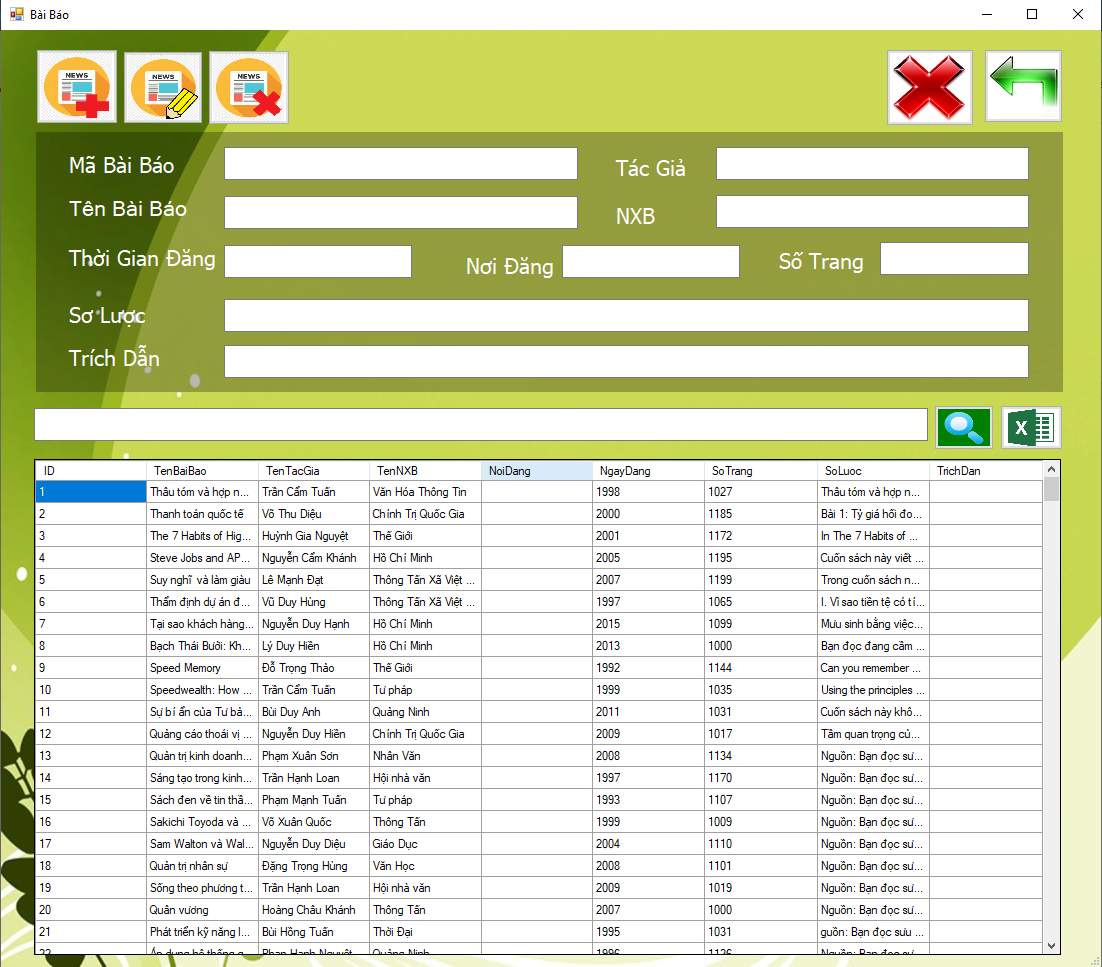


*Hình 2: Giao diện đăng nhập dự kiến*

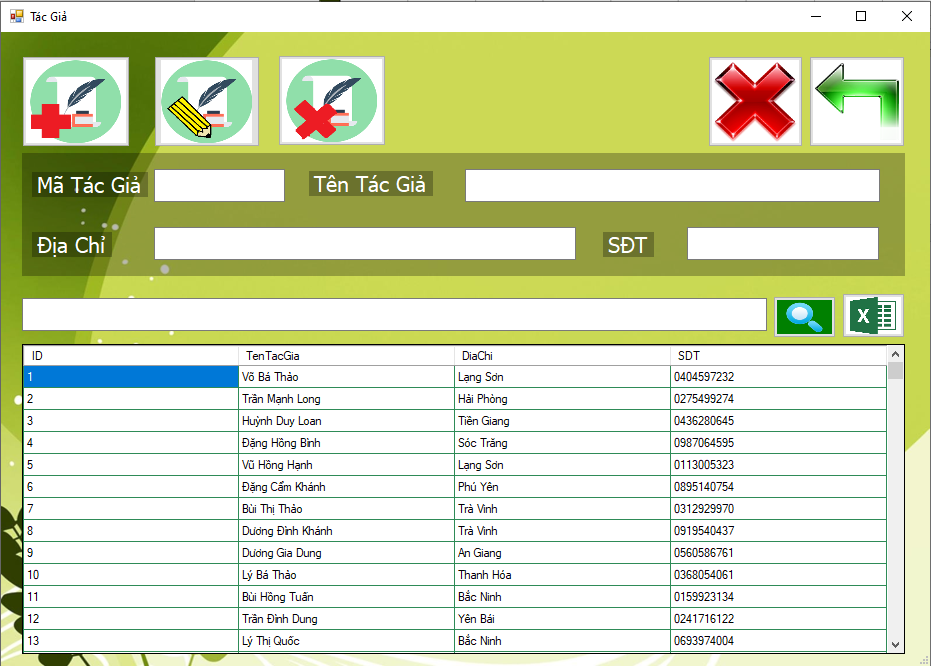
Giao diện đổi mật khẩu:



*Hình 3: Giao diện đổi mật khẩu dự kiến*

Giao diện quản lí Bài báo:

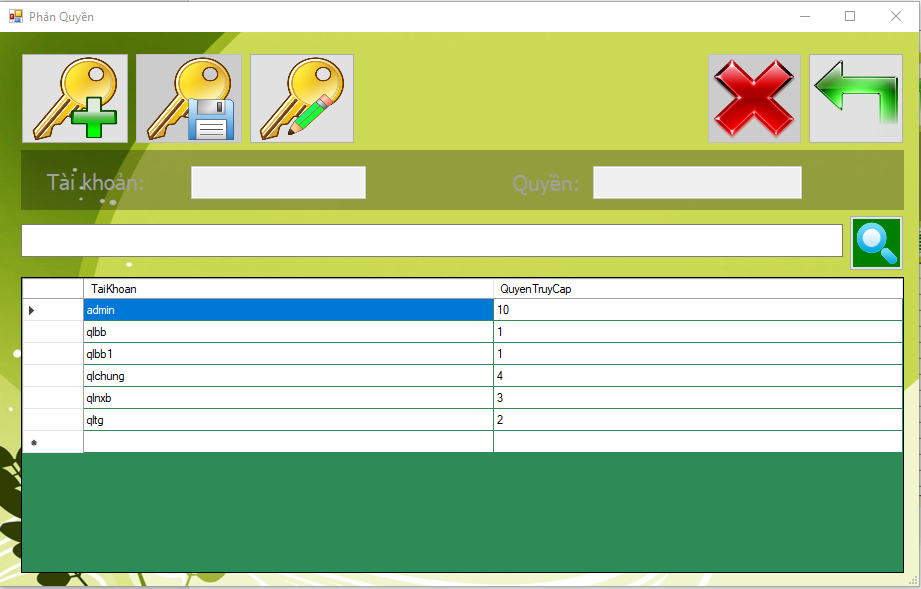
*Hình 4: Giao diện quản lí bài báo dự kiến*

Giao diện quản lí Tác giả:

*Hình 5: Giao diện quản lí tác giả dự kiến*

Giao diện quản lí Nhà xuất bản:

*Hình 6: Giao diện quản NXB dự kiến*

Giao diện quản lí Tài khoản truy cập:

*Hình 7: Giao diện tài khoản truy cập dự kiến*

# PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC:

*Bảng 1: Phân công công việc*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên Sinh viên | Mô tả khải quát mảng công việc SV thực hiện  trong đồ án | Ước tính phần trăm đóng góp |
| 1 | Diệp Gia Hữu |  |  |
| 2 | Trương Minh Khoa |  |  |
| 3 | Hồ Sĩ Tuấn |  |  |

# THIẾT KẾ:

## *Thiết kế lớp:*

*Bảng 2: Thiết kế các lớp*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên lớp** | **Tên các SV phụ trách viết** | **Mục đích chính của lớp trong chương trình** |
| 1 | frmMain |  | Lớp hiển thị giao diện chính của chương trình. |
| 2 | frmDangNhap |  | Lớp hiển thị giao diện đăng nhập. |
| 3 | frmDoiMk |  | Lớp hiển thị giao diện đổi mật khẩu. |
| 4 | frmBaiBao |  | Lớp hiển thị giao diện quản lí bài báo khoa học. |
| 5 | frmTacGia |  | Lớp hiển thị giao diện quản lí tác giả. |
| 6 | frmNXB |  | Lớp hiển thị giao diện quản lí Nhà xuất bản. |
| 7 | frmPhanQuyen |  | Lớp hiển thị giao diện quản lí Tài khoản truy cập. |
| 8 | table\_BaiBao |  | Lớp chứa các câu lệnh để truy vấn SQL Server phục vụ cho các phương thức của frmBaiBao. |
| 9 | table\_TacGia |  | Lớp chứa các câu lệnh để truy vấn SQL Server phục vụ cho các phương thức của frmTacGia. |
| 10 | table\_NXB |  | Lớp chứa các câu lệnh để truy vấn SQL Server phục vụ cho các phương thức của frmNXB. |
| 11 | table\_user1 |  | Lớp chứa các câu lệnh để truy vấn SQL Server phục vụ cho các phương thức của frmPhanQuyen, frmDangNhap, frmDoiMK. |
| 12 | AutoClosing  MessageBox |  | Lớp chứa phương thức để tự động dóng MessageBox. |

## *Ý nghĩa của từng phương thức:*

*Bảng 3: Ý nghĩa của từng phương thức*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên và nội dung phương thức,**  **mục đích** | **Giải thích phương thức** | **Tên file, số thứ tự dòng chứa khai báo** | **Tên SV phụ trách viết** |
| 1 | Tên: public frmMain()  Input: Không có.  Output: không có.  Mục đích: Load form.  Code:  public frmMain()  {  InitializeComponent();  } | Gọi hàm load form. | frmMain.cs  (20) |  |
| 2 | Tên: private void lDN\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: không có  Output: không có  Mục đích: Cùng một label có thể đăng nhập lẫn đăng xuất.  Mã giả:  Nếu testlogin (Biến kiểm tra đăng nhập) là đúng:  Hiện thông báo, đổi giá trị của testlogin về false, đổi các thuộc tính của label lDN.  Ngược lại: Hiện form frmDangNhap. | Biến testlogin được lấy giá trị từ frmDangNhap nhằm xét tình trạng đăng nhập để thực hiện một số chức năng. | frmMain.cs  (25) |  |
| 3 | Tên: private void btnBaiBao\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: không có  Output: không có  Mục đích: Event để hiện frmBaiBao.  Mã giả:  Nếu testlogin đúng, quyền truy cập đúng: Hiện form frmBaiBao.  Ngược lại: Hiện thông báo. | Bằng việc kiểm tra các biến thể hiện các quyền truy cập để hiện form Quản lí bài báo. | frmMain.cs  (44) |  |

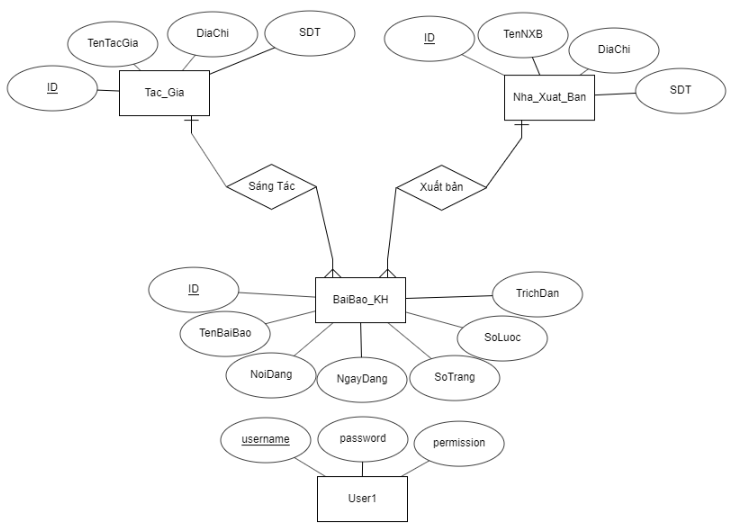
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 4 | Tên: private void btnTacGia\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: không có  Output: không có  Mục đích: Kiểm tra quyền truy cập và hiện frmTacGia.  Mã giả: Tương tự phương thức thứ 3 | Bằng việc kiểm tra các biến thể hiện các quyền truy cập để hiện form Quản lí Tác giả. | frmMain.cs  (54) |  |
| 5 | Tên: private void btnNXB\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: không có  Output: không có  Mục đích: Event để hiện frmNXB  Mã giả: Tương tự phương thức thứ 3 | Bằng việc kiểm tra các biến thể hiện các quyền truy cập để hiện form Quản lí Nhà xuất bản. | frmMain.cs  (64) |  |
| 6 | Tên: private void btnPhanCong\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Biến kiểu nhân viên chứa thông tin nhân viên.  Output: không có  Mục đích: Thêm vào cuối danh sách.  Mã giả: Tương thự phương thức 3 | Bằng việc kiểm tra các biến thể hiện các quyền truy cập để hiện form Quản lí DoiMK. | frmMain.cs  (74) |  |
| 7 | Tên: private void FrmMain\_MouseEnter(object sender, EventArgs e)  Input: Không có  Output: không có  Mục đích: Event sau khi đăng nhập thành công, dùng để hiển thị tên user. | Khi biến testlogin là đúng thì label17 sẽ hiển thị username nhờ vào việc thay đổi các thuộc tính tương ứng. | frmMain.cs  (95) |  |
| 8 | Tên: private void BtnThongTin\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Không có  Output: không có  Mục đích: Hiện thông tin phần mềm. | Gọi lệnh MessageBox.Show để hiển thị thông tin phần mềm. | frmMain.cs  (106) |  |
| 9 | Tên: public frmBaiBao()  Input: Không có.  Output: Không có.  Mục đích: Load form. | Gọi hàm Load Form. | frmBaiBao.cs(21) |  |
| 10 | Tên: public void DisplayDataBaiBao()  Input: Không có.  Output: Không có.  Mục đích: Tiến hành Load Data từ bảng Bai\_Bao\_KH trong CSDL lên datagridview. | Bằng việc sử dụng phương thức LayBaiBao ở tầng Data (cụ thể ở đây là table\_BaiBao) thông qua câu lệnh SQL để lấy dữ liệu từ bảng Bai\_Bao\_KH trong CSDL. | frmBaiBao.cs(34) |  |
| 11 | Tên: private void Btn\_ThemClick(object sender, EventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: Thêm một bài báo khoa học mới vào bảng Bai\_Bao\_KH trong CSDL.  Mã giả:  Nếu dữ liệu nhập vào được lưu trong các textbox là không trống: Tiến hành gọi hàm ThemBai ở tầng Data để thêm một bài báo khoa học và lưu nó vào biến bool f, nếu biến bool f này là true thì sẽ đưa ra một thông báo thêm bài báo khoa học mới thành công.  Ngược lại: Đưa ra thông báo không thêm được dữ liệu bài báo khoa học mới vào CSDL.  Và sau cùng tiến hành gọi hàm DisplayDataBaiBao để load dữ liệu ở CSDL lên datagridview. | Bằng việc sử dụng phương thức ThemBaiBao ở tầng Data (cụ thể ở đây là table\_BaiBao) thông qua câu truy vấn SQL để thêm một dữ liệu bài báo khoa học mới vào trong bảng Bai\_Bao\_KH ở CSDL. | frmBaiBao.cs(49) |  |
| 12 | Tên: private void BtSua\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: Sửa đổi dữ liệu của một bài báo khoa học trong bảng Bai\_Bao\_KH ở CSDL.  Mã giả:  Nếu dữ liệu nhập vào được lưu trong các textbox là không trống:  Tiến hành gọi hàm SuaBai ở tầng Data để cập nhật lại dữ liệu của một bài báo khoa học và lưu nó vào biến bool f, nếu biến bool f này là true thì sẽ đưa ra một thông báo sửa bài báo khoa học thành công.  Ngược lại: Đưa ra thông báo không sửa được dữ liệu bài báo khoa học trong CSDL.  Và sau cùng tiến hành gọi hàm DisplayDataBaiBao để load dữ liệu ở CSDL lên datagridview. | Bằng việc sử dụng phương thức SuaBai ở tầng Data (cụ thể ở đây là table\_BaiBao) thông qua câu truy vấn SQL để cập nhật lại dữ liệu của một bài báo khoa học trong bảng Bai\_Bao\_KH ở CSDL. | frmBaiBao.cs(65) |  |
| 13 | Tên: private void BtXoa\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: Xóa dữ liệu của một bài báo khoa học trong bảng Bai\_Bao\_KH ở CSDL.  Mã giả:  Nếu dữ liệu nhập vào được lưu trong các textbox là không trống:  Tiến hành gọi hàm XoaBai ở tầng Data để xóa một bài báo khoa học và lưu nó vào biến bool f, nếu biến bool f này là true thì sẽ đưa ra một thông báo xóa thành công bài báo khoa học.  Ngược lại: Đưa ra thông báo không xóa được dữ liệu bài báo khoa học trong CSDL.  Và sau cùng tiến hành gọi hàm DisplayDataBaiBao để load dữ liệu ở CSDL lên datagridview. | Bằng việc sử dụng phương thức XoaBai ở tầng Data (cụ thể ở đây là table\_BaiBao) thông qua câu truy vấn SQL để xóa dữ liệu của một bài báo khoa học trong bảng Bai\_Bao\_KH ở CSDL. | frmBaiBao.cs  (80) |  |
| 14 | Tên: private void BtClear\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: Reset dữ liệu các ô textbox.  Mã giả:  Tạo ra các ô textbox và gán cho giá trị rỗng(“”), sau đó gọi phương thức Clear để reset lại dữ liệu các ô textbox và datagridview, cuối cùng gọi hàm DisplayDataBaiBao để load lại dữ liệu từ CSDL lên datagridview. | Bằng việc sử dụng phương thức Clear để tiến hành reset dữ liệu của form. | frmBaiBao.cs(95) |  |
| 15 | Tên: private void BtnTimKiem\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: Tìm kiếm các thông tin về bài báo khoa học dựa trên dữ liệu nhập vào ô txtTimKiem.  Mã giả:  Kiểm tra số lần tìm kếm, nếu nó bằng 0 thì thêm cột tương ứng vào dataTable. Ngược lại, xóa kết quả tìm kiếm trước đó và duyệt từng hàng để kiểm tra, nếu đúng key word thì thêm dòng đó vào dataTable. Gắn nguồn mới cho datagridviews để hiển thị kết quả. | Tạo một data table mới để chứa kết quả tìm kiếm và duyệt từng dòng trong data table cũ để so sánh từ khóa tìm kiếm. | frmBaiBao.cs  (105) |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 16 | Tên: private void Dgv\_CellClick(object sender, DataGridViewCellEventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: Gán dữ liệu từng dòng trong datagridview tương ứng vào các ô textbox. | Bằng việc sử dụng phương thức Value để lấy dữ liệu giá trị và ToString để chuyển dữ liệu giá trị thành kiểu chuỗi gán vào các ô textbox. | frmBaiBao.cs  (199) |  |
| 17 | Tên: private void BtnTroVe\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: Đóng form hiện tại cụ thể là frmBaiBao và quay về frmMain.  Mã giả:  Đầu tiên tạo ra một hộp thoại để hỏi xem người dùng có muốn đóng giao diện không nếu trả lời là “yes” thì sẽ tiến hành gọi hàm this.Close() để đóng Form hiện tại và quay về frmMain (giao diện chính). | Bằng việc sử dụng một biến DialogResult để lưu yêu cầu của người dùng và nếu DialogReslt là OK thì đóng form hiện tại. | frmBaiBao.cs  (214) |  |
| 18 | Tên: private void TbMaBai\_MouseClick(object sender, MouseEventArgs e)  Input: Event click chuột.  Output: Không có.  Mục đích: Chọn(tô đen) hết dữ liệu (văn bản) trong ô textbox khi click chuột vào ô textbox đó. | Bằng việc sử dụng phương thức SelectAll để lấy hết văn bản trong ô textbox. | frmBaiBao.cs  (229) |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 19 | Tên: private void TxtTimKiem\_KeyDown(object sender, KeyEventArgs e)  Input: Event ấn phím.  Output: Không có.  Mục đích: thực hiện click chuột khi enter vào ô txtTimKiem. | Bằng việc sử dụng phương thức PerformClick để tiến hành click chuột khi ấn phím enter ở ô txtTimKiem. | frmBaiBao.cs  (269) |  |
| 20 | Tên: private void xuatExcel\_Click(object sender, EventArgs e)  Input: Event click chuột vào button.  Output: Không có.  Mục đích: xuất ra file excel thỏa mãn dựa vào kết quả tìm kiếm. | Bằng việc sử dụng phương thức Export để xuất datagridview ra file excel. | frmBaiBao.cs  (277) |  |
| 21 | Tên: public void Export(DataTable dt, string sheetName, string title)  Input: DataTable dt, string sheetName, string title.  Output: Không có.  Mục đích: Đổ dữ liệu từ datagridview vào trong excel.  Mã giả:  Đầu tiên ta hành tạo ra các đối tượng Excel cụ thể ở đây là tạo ra một Excel WorkBook, ta có thể tạo phần đầu nếu muốn, sau đó tiến hành định đạng và tạo tiêu đề cột tương ứng với thuộc tính cột trong datagridview và cũng định dạng lại thuộc tính sau đó ta tiến hành tạo một mảng đối tượng để lưu trữ toàn bộ dữ liệu trong DataTable vì dữ liệu được gán vào các Cell trong Excel phải thông qua object thuần. Sau đó ta chuyển dữ liệu từ DataTable vào mảng đối tượng, thiết lập vùng điền dữ liệu và định dạng. | Bằng việc khởi tạo một mảng đối tượng và đổ toàn bộ dữ liệu của datagridview vào mảng đối tượng đó. | frmBaiBao.cs  (286) |  |
| 22 | Tên: public table\_BaiBao()  Input: Không có.  Output: Không có.  Mục đích: Khởi tạo đối tượng kết nối với SQL Server DBconnect. | Bằng việc gọi hàm DBconnect ở tầng DB để khởi tạo kết nối đến SQL. | table\_BaiBao  .cs  (17) |  |
| 23 | Tên: public DataSet LayBaiBao()  Input: Không có.  Output: Câu query xuống SQL Server  Mục đích: Lấy danh sách bài báo  Mã giả:  Lấy ID, TenBaiBao, Tac\_Gia.TenTacGia, Nha\_Xuat\_Ban.TenNXB, NoiDang, NgayDang, SoTrang, SoLuoc, TrichDan trong bảng được kết tự nhiên từ 3 bảng BaiBao\_KH, Tac\_Gia, Nha\_Xuat\_Ban | Truyền câu query xuống Database để lấy dữ liệu cần thiết. | table\_BaiBao  .cs  (21) |  |
| 24 | Tên: public bool ThemBai  Input: ID, tenbaibao, tacgia, NXB, noidang, ngaydang, sotrang, soluoc, trichdan  Output: Query xuống SQL Server  Mã giả:  Thêm vào bảng BaiBao\_KH với giá trị tương ứng. | Truyền câu query xuống Database để thêm dữ liệu cần thiết. | table\_BaiBao  .cs  (25) |  |
| 25 |  |  |  |  |

## *Thiết kế cơ sở dữ liệu:*

Sơ đồ mô hình thực thể:



*Hình 8: Sơ đồ ERD*

**Bảng mô tả các table**

*Bảng 4: Mục đích từng table*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bảng** | **Mục đích** |
| 1 | Bai\_Bao\_KH | Đối tượng là một bảng quản lý các bài báo khoa học trong CSDL. |
| 2 | Tac\_Gia | Đối tượng là một bảng quản lý các tác giả của bài báo khoa học trong CSDL. |
| 3 | Nha\_Xuat\_Ban | Đối tượng là một bảng quản lý các nhà xuất bản của bài báo khoa học trong CSDL. |
| 4 | User1 | Đối tượng là một bảng quản lý các user trong CSDL. |

## Bảng mô tả các Field trong 1 Table*:*

**Bảng Bai\_Bao\_KH**

*Bảng 5: Ý nghĩa từng cột trong table BaiBao\_KD*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mục đích** |
| 1 | ID(PK) | Int | Mã bài báo để phân biệt một bài báo với các bài báo khoa học khác trong CSDL. |
| 2 | TenBaiBao | Nvarchar(100) | Tên bài báo lưu trữ thông tin của 1 bài báo khoa học. |
| 3 | TacGia(FK) | Int | Mã tác giả để phân biệt giữa một tác giả với những tác giả khác với nhau trong CSDL. |
| 4 | NXB(FK) | Int | Mã nhà xuất bản để phân biệt giữa một nhà xuất bản với những nhà xuất bản khác với nhau trong CSDL. |
| 5 | NoiDang | Nvarchar(50) | Tên địa điểm đăng lưu trữ thông tin về một nơi đăng của bài báo khoa học. |
| 6 | NgayDang | Nvarchar(50) | Ngày đăng lưu trữ thông tin về ngày đăng của bài báo khoa học. |
| 7 | SoTrang | Int | Số trang lưu trữ thông tin về số trang của bài báo khoa học. |
| 8 | SoLuoc | Nvarchar(500) | Sơ lược lưu trữ thông tin về sơ lược của bài báo khoa học. |
| 9 | TrichDan | Nvarchar(100) | Trích dẫn lưu trữ thông tin về trích dẫn của bài báo khoa học. |

**Bảng Tac\_Gia**

*Bảng 5: Ý nghĩa từng cột trong table Tac\_Gia*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mục đích** |
| 1 | ID(PK) | Int | Mã tác giả để quản lý các tác giả với nhau. |
| 2 | TenTacGia | Nvarchar(50) | Tên tác giả để quản lý các tác giả với nhau. |
| 3 | DiaChi | Nvarchar(100) | Tên địa chỉ để quản lý các tác giả với nhau. |
| 4 | SDT | Nvarchar(20) | Số điện thoại để quản lý các tác giả với nhau. |

**Bảng Nha\_Xuat\_Ban**

*Bảng 6: Ý nghĩa từng cột trong table Nha\_Xuat\_Ban*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mục đích** |
| 1 | ID(PK) | Int | Mã nhà xuất bản để phân biệt với các nhà xuất bản khác trong CSDL. |
| 2 | TenNXB | Nvarchar(50) | Tên nhà xuất bản để phân biệt với các nhà xuất bản khác trong CSDL. |
| 3 | DiaChi | Nvarchar(100) | Tên địa chỉ để phân biệt với các nhà xuất bản khác trong CSDL. |
| 4 | SDT | Nvarchar(20) | Số điện thoại để phân biệt với các nhà xuất bản khác trong CSDL. |

**Bảng User1**

*Bảng 7: Ý nghĩa từng cột trong table User1*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mục đích** |
| 1 | username(PK) | Nvarchar(50) | Tên User để quản lý những người dùng. |
| 2 | password | Nvarchar(50) | Tên Password để quản lý những người dùng tương ứng với mỗi tên User. |
| 3 | permission | Int | Một kiểu số để quản lý việc phân quyền đối với những người dùng. |

## *Thiết kế giao diện:*

*Bảng 8: Thiết kế giao diện*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Màn hình/Cửa sổ/Dialog** | **Mục đích** | **Giải thích** |
| 1 | Màn hình giao diện chính:  *Hình 9: Giao diện chính* | Hiển thị ra giao diện chính của phần mềm. | Để người dùng có thể dễ dàng tương tác cũng như thao tác trên phần mềm với giao diện đơn giản, dễ hiểu. |
| 2 | Màn hình đăng nhập :    *Hình 10: Giao diện đăng nhập* | Hiện form đăng nhập. | Kiểm tra key word cho việc đăng nhập khi nhấn vào nút “Đăng nhập”. |
| 3 | Màn hình đổi mật khẩu :    *Hình 11: Giao diện đổi mật khẩu* | Hiện form để người dùng có thể đổi mật khẩu. | Kiểm tra mật khẩu và gọi các phương thức để đổi mật khẩu user. |
| 4 | Màn hình quản lí các bài báo:  *Hình 12: Giao diện quản lí các bài báo* | Giao diện quản lí các bài báo khoa học. | Giao diện để quản lí các bài báo khoa học với các button tương ứng của các chức năng như thêm, xóa, sửa, tìm kiếm, xuất ra file excel. |
| 5 | Màn hình quản lí các tác giả:  *Hình 13: Giao diện quản lí các tác giả* | Giao diện quản lí các tác giả. | Giao diện để quản lí các Tác giả với các button tương ứng của các chức năng như thêm, xóa, sửa, tìm kiếm, xuất ra file excel. |
| 5 | Màn hình quản lí các Nhà xuất bản:  *Hình 14: Giao diện quản lí nhà xuất bản* | Giao diện quản lí các Nhà xuất bản. | Giao diện để quản lí các Nhà xuất bản với các button tương ứng của các chức năng như thêm, xóa, sửa, tìm kiếm, xuất ra file excel. |
| 5 | Màn hình quản lí các Nhà xuất bản:  *Hình 15: Giao diện quản lí nhà xuất bản* | Giao diện quản lí các tài khoản quản lí truy cập. | Giao diện để quản lí các tài khoản quản lí truy cập với các button tương ứng của các chức năng như thêm, sửa, tìm kiếm. |

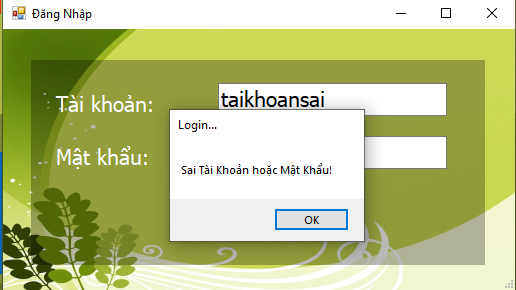
# III.​ CÀI ĐẶT VÀ KIỂM THỬ:

1. ***Cài đặt:***

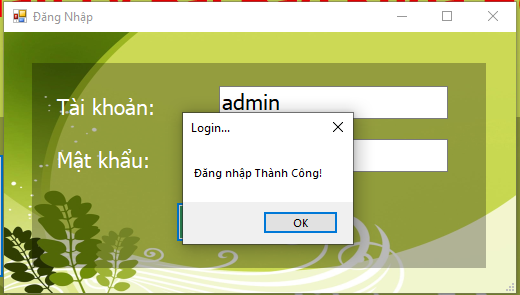
* SQL Server
* Các thư viện cần thiết của ADO .NET

1. ***Kiểm thử:***
   1. ***Tính năng Đăng nhập:***

* Đăng nhập với tài khoản không chính xác

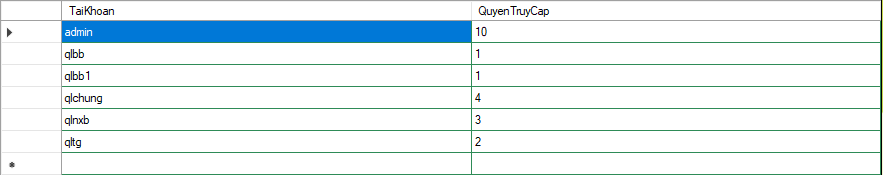


* Đăng nhập với tài khoản chính xác



* 1. ***Tính năng phân quyền riêng biệt cho các tài khoản***

******

****Tài khoản admin là tài khoản đặc biệt có thể truy cập mọi form trong phần mềm, và mỗi tài khoản khác khau chỉ có thể quản lí một số form nhất định tương ứng với quyền truy cập.

Quyền truy cập thể hiện theo kiểu int trong bảng trên:

* 1: quản lí bài báo.
* 2: quản lí tác giả.
* 3: quản lí nhà xuất bản.
* 4: quản lí cả 3 bảng không bao gồm phân quyền.
* 10: quyền admin có thể phân quyền cũng như thêm tài khoản truy cập.

# IV.​ KẾT LUẬN:

## *Đánh giá chung:*

* Đồ án đã được hoàn thành được hơn 80% mục tiêu đề ra.

## *Ưu điểm:*

* Giao diện dễ hiểu.
* Sử dụng hợp lí các phương thức trên danh sách liên kết để quản lí nhân viên.

## *Nhược điểm:*

* Chưa tối ưu hóa phần mềm.
* Phần giao diện thiết kế còn đơn giản có phần chưa hợp lí vì đây là lần đầu tiên nhóm sử dụng winform và chưa từng được học trước đó.
* Khả năng làm việc nhóm còn kém, chưa linh hoạt dẫn đên thời gian hoàn thành công việc chậm.
* Vì sử dụng file txt để lưu dữ liệu nên không thể quản lí nhiều thuộc tính (việc cắt chuỗi, xử lí dữ liệu trên txt khá rườm rà). Do đó, nhóm chỉ làm vài thuộc tính cơ bản để tượng trưng. Dẫn đến, phần mềm chưa đủ điều kiện để xử dụng thực tế.

## *Hướng phát triển:*

* Chuyển qua Cơ sở dữ liệu bằng việc liên kết SQL server khi đó có thể thêm nhiều chức năng mới như tính lương, chấm ca, …
* Thiết kế lại giao diện một cách hớp lí nhất có thể, bắt mắt người dùng.

1. **TÀI LIỆU KHAM KHẢO:**

Đồ án của nhóm có tham khảo một số tài liệu tại các Website sau:

* Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật.
* https://anonyviet.com/tong-hop-ma-nguon-c-sharp/